

Bản án số: 05/2022/DS- ST

Ngày 05/01/2022

V/v *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Em

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hiền

2. Ông Vương Tấn Độ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Xuân – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nghĩa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2021/TB-TLST ngày 16 tháng 4 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 218/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 144/2021/QĐST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q; địa chỉ: Đường P, phường N, Quận M, Thành phố H; địa chỉ liên lạc: Đường U, Phường H, quận T, Thành phố H;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Thanh H, địa chỉ: Đường U, Phường H, quận T, Thành phố H, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 43629.20 ngày 04/01/2021); (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1977; địa chỉ: đường T, Khu phố 5, phường H, quận B, Thành phố H. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/01/2021, các bản tự khai, các biên bản không T hành hòa giải được cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - Ông Phan Thanh H trình bày:

Ngân hàng TMCP Q (gọi tắt là VIB) và ông Huỳnh Ngọc T ký kết Hợp đồng tín dụng số 0713.HDTD.VIB664.18 ngày 24/11/2018 với nội dung: Ngân hàng cho ông T vay số tiền 400.000.000 đồng; lãi suất cho vay thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân/ thời điểm điều chỉnh lãi suất, chịu sự điều chỉnh theo chính sách về lãi suất của VIB từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật; mục đích vay là mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, biển kiểm soát: 51G-846.42; thời hạn vay là 60 tháng, từ ngày 27/11/2018 đến ngày 26/11/2023.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông T luôn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Tạm tính đến ngày 11/5/2021, ông T đã thanh toán cho VIB số tiền là 387.404.143 đồng.

Ông T còn nợ Ngân hàng với tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi của hợp đồng trên tạm tính đến ngày 04/01/2022 là 112.060.115 đồng trong đó nợ gốc là 62.274.600 đồng, nợ lãi là 49.785.515 đồng.

Ngân hàng TMCP Q chỉ yêu cầu ông Huỳnh Ngọc T trả số tiền nợ gốc và lãi như trên khi bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời tiếp tục trả tiền lãi phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tính từ ngày 05/01/2022 cho đến khi ông T thanh toán xong nợ; không yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp thu hồi nợ.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Huỳnh Ngọc T đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông T không đến do đó Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T.

Tại phiên Tòa:

Bị đơn vắng mặt. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

- Về Thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự tố tụng quy định của pháp luật; chưa đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng TMCP Q khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với ông Huỳnh Ngọc T. Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 1014/15/20 đường Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây cũng là địa chỉ ghi trong hợp đồng giữa VIB và ông T. Theo kết quả trả lời xác minh của Công an phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Huỳnh Ngọc T đã chuyển đi nơi khác cư trú không rõ nơi đến. Tòa án không xác định được địa chỉ nơi ông T đang thực tế cư trú. Đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án xác định địa chỉ số 1014/15/20 đường Tân Kỳ Tân Quý, khu phố 14, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh là địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bị đơn. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Bị đơn trong vụ án là ông Huỳnh Ngọc T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Ngày 22/11/2021, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 0713.HDTD.VIB664.18 ngày 24/11/2018, theo đó Ngân hàng cho ông T vay số tiền 400.000.000đồng; lãi suất cho vay thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân/thời điểm điều chỉnh lãi suất, chịu sự điều chỉnh theo chính sách về lãi suất của VIB từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật; mục đích vay là mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, biển kiểm soát: 51G-846.42; thời hạn vay là 60 tháng, từ ngày 27/11/2018 đến ngày 26/11/2023. Giao dịch trên là các giao kết dân sự trên cơ sở tự nguyện và được pháp luật thừa nhận nên phát sinh hiệu lực giữa các bên.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, VIB xác định ông T còn nợ tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 04/01/2022 là 112.060.115 đồng trong đó nợ gốc là 62.274.600 đồng, nợ lãi là 49.785.515 đồng.

Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về giao nộp tài liệu, chứng cứ: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ việc dân sự, đương sự có quyền và nghĩa vụ giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án; nếu đương sự không giao nộp hoặc giao nộp không đầy đủ tài liệu, chứng cứ... thì Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập được... để giải quyết vụ án.

Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết

luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn đầy đủ các văn bản tố tụng, đã ghi rõ nội dung yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn, các chứng cứ do Tòa án thu thập, nhưng phía bị đơn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ chứng minh đã trả số tiền vốn và lãi nêu trên cho nguyên đơn. Như vậy bị đơn đã tự tước bỏ quyền chứng minh và cung cấp chứng cứ của mình.

Từ những nhận định trên, căn cứ vào Điều 91, Điều 93, khoản 3 Điều 98 của Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 11, Điều 13, điểm c khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 25 Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng, được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/2/2005; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tổng số tiền tạm tính đến ngày 04/01/2022 là 112.060.115 đồng trong đó nợ gốc là 62.274.600 đồng, nợ lãi là 49.785.515 đồng. Đồng thời, bị đơn còn có nghĩa vụ trả tiền lãi trên số dư nợ gốc cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng tín dụng số 0713.HDTD.VIB664.18 ngày 24/11/2018; tính từ ngày 05/01/2022 cho đến khi trả xong nợ.

Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên đã trình bày tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm :

Ông Huỳnh Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.603.006đ (năm triệu sáu trăm lẻ ba nghìn không trăm lẻ sáu đồng).

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.480.996đ (hai triệu bốn trăm tám mươi nghìn chín trăm chín mươi sáu đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố Tụng dân sự ;

Căn cứ vào Điều 280, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 93, khoản 3 Điều 98 của Luật Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 11, Điều 13, điểm c khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 25 Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng; được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/2/2005;

Căn cứ vào Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Q về việc yêu cầu ông Huỳnh Ngọc T trả nợ.

2. Buộc ông Huỳnh Ngọc T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền tạm tính đến ngày 04/01/2022 là 112.060.115 đồng trong đó nợ gốc là 62.274.600 đồng, nợ lãi là 49.785.515 đồng, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 05/01/2022, ông Huỳnh Ngọc T còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 0713.HDTD.VIB664.18 ngày 24/11/2018; tính từ ngày 05/01/2022 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.603.006đ (năm triệu sáu trăm lẻ ba nghìn không trăm lẻ sáu đồng).

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.480.996đ (hai triệu bốn trăm tám mươi nghìn chín trăm chín mươi sáu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0063487 ngày 15/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP Q, ông Huỳnh Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Bình Tân;
- TAND TP.HCM;
- Chi cục THADS quận Bình Tân;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Ngọc Em